

Số: 60/2025/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ năm học 2025 - 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 262/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, từ năm học 2025 - 2026; Báo cáo thẩm tra số 1498/BC-VHXH ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở



giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, từ năm học 2025 - 2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ năm học 2025 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh.

b) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh, từ năm học 2025 - 2026

1. Mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh, chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Mức học phí	150	150	160	200

2. Trường hợp học trực tuyến (học online)

Trường hợp học trực tuyến (học online), mức học phí bằng 80% mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức học phí đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Mức học phí quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này là mức học phí để cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục công lập và hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh.

5. Mức học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở phương án tự chủ được phê duyệt, mức học phí theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Mức hỗ trợ học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh

1. Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Mức hỗ trợ học phí	150	150	160	200

2. Mức hỗ trợ trường hợp học trực tuyến (học online)

Trường hợp học trực tuyến, mức hỗ trợ bằng 80% mức hỗ trợ theo hình thức học trực tiếp.

3. Trường hợp mức hỗ trợ học phí theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh cao hơn mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông thì mức hỗ trợ được tính bằng 100% mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đó.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện cấp bù học phí và hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 12 năm 2025.

2. Chính sách quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ năm học 2025 - 2026.



3. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 287/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh, từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026.

b) Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025 - 2026 quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 287/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, Kỳ họp thứ 37 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỌA



Lê Tiến Lam
Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh